2219

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đồng Nai, 2018

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đồng Nai, 2018

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH 1
1.1 Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Mầm non. 1
1.2 Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non 1
2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO 2
2.1. Triết lí giáo dục của trường Đại học Đồng Nai 2
2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo 2
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 3
3.1 Yêu cầu về kiến thức 3
3.2 Yêu cầu về kỹ năng 4
3.3 Yêu cầu về thái độ 4
4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP. 5
4.1 Vị trí việc làm. 5
4.2 Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. 5
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP. 5
5.1 Thông tin tuyển sinh. 5
5.2 Quy trình đào tạo. 5
5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp. 5
6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 5
6.1 Chiến lược dạy học trực tiếp 5
6.2 Chiến lược dạy học gián tiếp 6
6.3 Học trải nghiệm 7
6.4 Dạy học tương tác 7
6.5 Tự học 7
7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA-ĐÁNH GIÁ 8
7.1 Các phương pháp kiểm tra - đánh giá 8
7.2 Công cụ, tiêu chí đánh giá 9
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH 21
8.1 Cấu trúc chương trình 21
8.2 Nội dung chương trình 22
8.3 Kế hoạch giảng dạy 26
8.4 Mô tả các học phần 30

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Mầm non.

Chương trình đào tạo Ngành Giáo dục Mầm non hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, việc đào tạo lực lượng giáo viên nhằm thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ chiến lược.

Chương trình được phát triển theo tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu của xã hội và các đơn vị công tác, đặc biệt là phục vụ cho sự nghiệp giáo dục của Tỉnh Đồng Nai và các địa phương lân cận. Nội dung chương trình được thiết kế trên cơ sở có tham chiếu với chương trình đào tạo của các đơn vị có đào tạo cử nhân Giáo dục Mầm non có uy tín trong nước: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Sư phạm Huế.

Chương trình đào tạo theo hệ thống đào tạo tín chỉ nhằm trang bị hệ thống kiến thức về Giáo dục Mầm non và khối kiến thức chuyên ngành đào tạo giáo viên, hình thành cho người học phương pháp tiếp cận những vấn đề thực tiễn của dạy học Mầm non một cách khoa học và thực tiễn. Hệ thống tài liệu giảng dạy được cập nhật hằng năm và các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng để thúc đẩy người học phát triển năng lực học tập suốt đời.

Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Đồng Nai được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ:

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Khối kiến thức chung: 23 tín chỉ
- Khối kiến đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 30 tín chỉ gồm:
  + Kiến thức cơ sở chung: 30 tín chỉ
  + Khối kiến thức cơ sở ngành: 13 tín chỉ
  + Thực hành sư phạm: 17
- Khối kiến thức chuyên ngành : 98 tín chỉ gồm:
  + Khối kiến thức cơ sở của ngành: 32 tín chỉ.
  + Khối kiến thức chuyên sâu của ngành: 66 tín chỉ.
- Khóa luận: 5 tín chỉ.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non

Tên chương trình: Giáo dục Mầm non

Tên chương trình tiếng Anh: Pre - School Education

Mã ngành đào tạo: 7140201

Đơn vị cấp bằng: Đại học Đồng Nai

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Triết lí giáo dục của trường Đại học Đồng Nai

Triết lí giáo dục

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệm.

Toàn diện

Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức-Trí-Thể-Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Khai phóng

Giáo cụ hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kĩ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

Giáo dục phải phát huy cao nhất tiềm năng cá nhân; hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu giảng dạy và học tập.

Thực nghiệm

Giáo dục hướng tới giải quyết những vấn đề thực tiễn; học đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Mầm non có đủ phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi và phát triển của xã hội; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu chuyên môn ở trình độ cao hơn.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

Hình thành nền tảng vững chắc về kiến thức khoa học nền tảng thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo vào nghề nghiệp và cuộc sống.

Hình thành nền tảng vững chắc về kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm, kiến thức chuyên ngành vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ Mầm non.

- Về kĩ năng:

+ Kĩ năng nghề nghiệp:

Vận dụng kiến thức, kỹ năng được rèn luyện vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường Mầm non.

+ Kỹ năng mềm:

Sử dụng linh hoạt một số kĩ năng xã hội cần thiết, phù hợp trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên Mầm non.

- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có lối sống trung thực, giản dị, có ý thức trách nhiệm đối với xã hội, có tinh thần học tập suốt đời.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1 Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức chung:

Nắm vững và vận dụng những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống và những kiến thức cơ bản về Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý giáo dục vào giảng dạy ở các trường và cơ sở giáo dục mầm non.

Kiến thức chuyên ngành:

- Hiểu và vận dụng vào thực tế hệ thống tri thức về các đặc điểm và quy luật phát triển sinh lý, tâm lý trẻ mầm non cũng như những tri thức về khoa học giáo dục mầm non.

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức nghiệp vụ sư phạm: Tâm lý học, giáo dục học, lý luận và phương pháp dạy học bộ môn để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Nắm vững và phân tích được mục tiêu, cấu trúc và nội dung của chương trình giáo dục mầm non hiện hành đối với từng độ tuổi (kể cả trẻ em thuộc các dân tộc thiểu số và trẻ đặc biệt…).

Kiến thức bổ trợ:

- Trình độ tin học B.

- Trình độ B tiếng Anh.

3.2 Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

- Quan sát, tìm hiểu, đánh giá mức độ phát triển của trẻ.

- Lập kế hoạch về việc chăm sóc – giáo dục trẻ và kế hoạch tổ chức quản lý nhóm, lớp cho từng độ tuổi một cách khoa học có hiệu quả.

- Thiết kế, tổ chức môi trường giáo dục, các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ với quan điểm tích hợp theo chủ đề và phát huy tính tích cực của trẻ một cách khoa học.

- Khả năng triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương.

- Thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non. Có khả năng cập nhật và vận dụng các thành tựu khoa học giáo dục mới vào thực tiễn chăm sóc giáo dục trẻ.

Kỹ năng mềm:

- Đánh giá được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Giải quyết tốt các tình huống trong quá trình tổ chức giáo dục trẻ mầm non.

- Giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp; làm việc độc lập và biết hợp tác với đồng nghiệp.

- Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác để nâng cao hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

- Tuyên truyền khoa học giáo dục, vận động xã hội hóa giáo dục mầm non.

- Sử dụng công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ có hiệu quả.

- Sử dụng ngoại ngữ để nghiên cứu được các tài liệu chuyên ngành.

3.3 Yêu cầu về thái độ

- Ý thức trách nhiệm của người công dân đối với Tổ quốc, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; ý thức kỷ luật, tự trọng nghề nghiệp cao và có tác phong nhanh nhẹn, tháo vát.

- Có lòng yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, say mê với công việc vì sự phát triển của trẻ.

- Ý thức vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

- Ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp và mong muốn học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp.

4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP.

4.1 Vị trí việc làm.

- Giáo viên Mầm non, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục Mầm non.

- Chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức có liên quan tới đối tượng là trẻ Mầm non.

- Nghiên cứu viên về chuyên môn nghiệp vụ giáo dục Mầm non.

4.2 Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

Tự học để nâng cao trình độ và tham dự các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục Mầm non

Tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ…

5 THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.

5.1 Thông tin tuyển sinh.

Mã ngành: 7140201

Theo quy định Bộ Giáo dục và quy chế tuyển sinh của trường Đại học Đồng Nai.

5.2 Quy trình đào tạo.

Theo quy định về công tác học vụ dùng cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học ĐồngNai ban hành theo quyết định 950/QĐ-ĐHĐN ngày 16/8/2018 của hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai.

5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.

Căn cứ điều 11 Quy định về công tác học vụ dùng cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học ĐồngNai ban hành theo quyết định 950/QĐ-ĐHĐN ngày 16/8/2018 của hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai.

6 CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo:

6.1 Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

(1) Giải thích cụ thể: giảng viên hướng dẫn, giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kĩ năng.

(2) Thuyết trình: giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung

trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. Phương pháp này được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết, mục đích là giúp người học có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần.

(3) Đàm thoại: giảng viên đưa ra hệ thống các câu hỏi để người học trả lời nhằm gợi mở sáng tỏ những vấn đề mới; tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiêm đã tích lũy được, nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hóa tri thức đã tiếp thu được.

(4) Bài tập: người học sẽ giải bài tập liên quan tới nội dung lý thuyết đã học và giảng viên sẽ hướng dẫn, xác nhận kết quả. Phương pháp này được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập nhằm mục đích giúp người học vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các bài toán và giải thích các hiện tượng trong tự nhiên liên quan đến môn học; rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ hóa học để thuyết trình cách giải bài tập; kĩ năng tương tác với tập thể; kĩ năng viết và trình bày bảng. Từ đó hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời.

6.2 Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

(1) Câu hỏi gợi mở: Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

(2) Nêu và giải quyết vấn đề: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua qúa trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

(3). Dạy học theo tình huống: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết

vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

6.3 Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Sinh viên học thông qua làm và trải nghiệm.

(1) Thực tập, thực tế: Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại các trường Mầm non để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các kỹ năng các phương pháp, quan điểm giáo dục đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

(2) Thực hành: Là phương pháp dạy học trong đó giáo viên sử dụng các thao tác, sinh viên quan sát và thực hành lại. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

6.4 Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề.

(1) Thảo luận: Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

(2) Học nhóm: Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

6.5 Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

(1) Bài tập ở nhà

Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

(2) Bài tập lớn:

Người học được giảng viên giao thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ làm việc ở nhà, qua đó hình thành năng lực và phương pháp tự học, tiếp nhận kiến thức và kĩ năng theo yêu cầu môn học.

(3) Khóa luận:

Thường được làm vào năm cuối cùng của quá trình học. Người học lựa chọn nghiên cứu chuyên sâu về một chủ đề nào đó dựa trên kiến thức lý thuyết và thực tiễn. Sau đó, người học sẽ trình bày kết quả nghiên cứu bằng văn bản cụ thể, chi tiết cách làm và người học phải đứng trước hội đồng chấm thi để bảo vệ kết quả nghiên cứu của mình thông qua các câu hỏi vấn đáp về độ am hiểu về chủ đề nghiên cứu ra sao.

7 PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA-ĐÁNH GIÁ

7.1 Các phương pháp kiểm tra - đánh giá

7.1.1 Đánh giá quá trình

Đánh giá chuyên cần

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

Đánh giá bài tập

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

Đánh giá thảo luận - thuyết trình

Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

7.1.2 Đánh giá kết thúc học phần

Thi tự luận

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi,

bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

Thi trắc nghiệm

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

7.2 Công cụ, tiêu chí đánh giá

7.2.1 Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	***Trọng số (%)***	***Mức độ (tạt chuẩn quy định***				
		A	***B***	***c***	***D***	***F***
		8.5-10	***7.0-8.4***	***5.5-6.9***	***4.0-5.4***	***0.0-3.9***
Dự học trên lớp	50%	Dự học trên lớp rất đầy đủ (>90%)	Dự học trên lớp đầy đủ (7590%)	Dụ học trên lớp khá đầy đủ (55-75%)	Dự học trên lớp chưa đầy đù (4055%)	Dự học trên lớp quá ít (<40%)
Đóng góp tại ký	50%	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học hiệu quả.	Tham gia khá đây đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.	Không tham gia các hoạt động trên lớp. không có đóng góp tại lớp.

7.2.2 Đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	*Trọng số (%)*	*Mức độ đạt chuẩn quy định*				
		A	*B*	*C*	*D*	*F*
		8.5- 10	7- 8.4	5.5- 6.9	4.0- 5.4	0- 3.9
Nộp bài tập	20%	Nộp bài đầy đủ (100%) đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%) hầu hết đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%) một số nhất định chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài khá đầy đủ (100%) nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định	Không nộp bài tập
Trình bày bài tập	30%	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách; logic, chặt chẽ, hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi chú, giải thích, cụ thể, hợp lí	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ.	Trình bày, đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú, kích cỡ)	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu không phù hợp.	Không có bài tập
Nội dung bài tập	50%	Nội dung chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; tính toán logic, chi tiết và rõ ràng hoàn toàn hợp lí.	Nội dung đầy đủ, hợp lí, đúng theo yêu cầu; tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung đầy đủ, đúng theo yêu cầu; nhưng chưa hợp lí, còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung còn thiếu khá nhiều, một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác	Không có bài tập

7.2.3 Đánh giá thuyết trình.

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5- 10	7- 8.4	5.5- 6.9	4.0- 5.4	0- 3.9
Nội dung báo cáo	50%	Phong phú hơn yêu cầu; chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; khá chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu	Phù hợp với yêu cầu; tương đối chính xác, khoa học; tuy nhiên giải thích chưa rõ ràng	Phù hợp với yêu cầu; tuy nhiên còn thiếu một số nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng hoặc không phù hợp với yêu cầu, thiếu chính xác, khoa học
Cấu trúc và tính trực quan	10%	Cấu trúc bài và slide rất hợp lí, rất trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slide hợp lí, trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lí, rõ ràng	Cấu trúc bài và slide chưa hợp lí, ít trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định
Thuyết trình	10%	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng, âm giọng rõ ràng, lưu	Phần trình bày khá súc tích, sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu, âm	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng, âm giọng	Phần trình bày đầy đủ, âm giọng thấp, một số từ không rõ ràng, chưa	Phần trình bày Không logic; sử dụng từ Không

		loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe, người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng thời gian quy định	giọng rõ ràng, lưu loát, tương tác tốt với người nghe, người nghe có thể hiểu nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng thời gian quy định	vừa phải, dễ nghe người nghe có thể hiểu được nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	có tương tác; thời gian trình bày đúng quy định	đúng, âm giọng thấp, không rõ , người Nghe Không hiểu, vượt quá thời gian quy định
Trả lời câu hỏi	30%	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được một số câu hỏi nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.

7.2.4. Đánh giá khoá luận

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số**	**Mức độ đạt chuẩn quy định**				
		A	**B**	**C**	**D**	**F**
		8.5 – 10.0	**7.0 – 8.4**	**5.5 – 6.9**	**4.0 – 5.4**	**0.0 – 3.9**

Nội dung khóa luận	50%	Khóa luận hoàn thành xuất sắc các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có đóng góp mới về lý thuyết: bổ sung lý thuyết, đưa ra giả thuyết mới, phương pháp nghiên cứu mới (mô hình, công cụ, kỹ thuật nghiên cứu), dữ liệu/dữ kiện mới, … hoặc có đóng góp mới về thực tiễn: đưa ra giải pháp, phương án hoàn thiện chính sách, pháp luật có tính khả thi cao.	hoàn thành tốt các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có đóng góp mới ở mức độ chưa hoàn thiện về lý thuyết hoặc thực tiễn	Khóa luận hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có lập luận tương đối chặt chẽ cho các kết luận.	Khóa luận hoàn thành được một phần các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra tuy nhiên nội dung khóa luận không có điểm mới hoặc lập luận không chặt chẽ và chính xác	Khóa luận có mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng hoặc không hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận còn quá sơ sài, có nhiều điểm sai sót
Hình thức khóa luận	10%	Trích dẫn đầy đủ và đúng quy định; có bố cục hợp lý,	Khóa luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch	- Khóa luận có bố cục hợp lý,	Khóa luận có bố cục chưa hợp lý, hình	Khóa luận có bố cục không hợp lý, khó

		rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định về hình thức; văn phong khoa học, chất lượng ngôn ngữ cao; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v...	lạc và đúng quy định về hình thức; văn phong trong sáng, dễ hiểu; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v.... - Trích dẫn đầy đủ và đúng quy định	hình thức theo đúng quy định. Trích dẫn đầy đủ và đúng quy định.	thức còn có sai sót, chưa đúng hoàn toàn quy định Trích dẫn chưa đầy đủ.	hiểu, hình thức còn nhiều sai sót, chưa theo đúng quy định, - Không trích dẫn hoặc trích dẫn không đầy đủ
Bảo vệ khóa luận	10%	Sinh viên thể hiện sự hiểu biết lý thuyết rộng liên quan đến đề tài nghiên cứu và có thể thảo luận về đóng góp của mình cho sự phát triển của lĩnh vực nghiên cứu. - Sinh viên thể hiện một sự hiểu biết rất tốt về các phương	- Sinh viên thể hiện sự hiểu biết lý thuyết tốt về đề tài nghiên cứu và có thể thảo luận về đóng góp của mình cho lĩnh vực nghiên cứu. - Sinh viên thể hiện một sự hiểu biết rất tốt	- Sinh viên thể hiện sự hiểu biết lý thuyết về đề tài nghiên cứu và sự lựa chọn phương pháp nghiên cứu. - Sinh viên trình bày luận văn một	- Sinh viên thể hiện ở mức độ còn hạn chế sự hiểu biết lý thuyết về đề tài nghiên cứu và sự lựa chọn phương pháp nghiên cứu. - Sinh viên trình bày	- Sinh viên thể hiện ở mức độ rất hạn chế sự hiểu biết lý thuyết về đề tài nghiên cứu và sự lựa chọn phương pháp nghiên cứu. - Sinh viên trình bày luận văn thụ

		pháp nghiên cứu và có thể thảo luận về những ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp nghiên cứu. - Sinh viên trình bày luận văn một cách chủ động, rõ ràng, mạch lạc và đảm	về các phương pháp nghiên cứu và có thể thảo luận về những ưu điểm và nhược điểm của các hương pháp nghiên cứu, -Sinh viên trình bày luận văn	cách tương đối chủ động, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định	luận văn còn thụ động thời gian quy định	động, khó hiểu
		bảo thời gian quy định.	một cách chủ động, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định.			
Trả lời câu hỏi	30%	Sinh viên trả lời đầy đủ và có tính thuyết phục cao tất cả các câu hỏi của các thành viên hội đồng cũng như của người tham dự.	Sinh viên trả lời một cách thỏa mãn các câu hỏi của các thành viên hội đồng và người tham dự.	Sinh viên trả lời một cách tương đối thỏa mãn các câu hỏi của các thành viên hội đồng và người tham dự	- Sinh viên trả lời chưa đầy đủ, thiếu chính xác các câu hỏi của các thành viên hội đồng và người tham dự	- Sinh viên trả lời các câu hỏi của các thành viên hội đồng còn lạc đề; không trả lời được các câu hỏi căn bản về kiến thức

						liên quan đến khóa luận

7.2.5. Đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5-10	7.0-8.4	5,5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Chuyên cần	10%					
Chuân bị lý thuyết	20%					
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	50%					
Kết quả thí nghiệm và trả lời câu hỏi	20%					

7.2.6. Đánh giá trình bày bài giảng

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5-10	7.0-8.4	5,5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Kiến thức	***25%***	Xác định ĐẦY ĐỦ mục tiêu, chuẩn KT-KN, nội dung cơ bản, trọng tâm của bài dạy. - Giảng dạy kiến thức cơ bản chính xác,	Xác định mục tiêu, chuẩn KT-KN, nội dung cơ bản, trọng tâm của bài dạy. - Giảng dạy kiến thức cơ bản TƯƠNG ĐỐI chính xác, có hệ thống.	- Xác định được một số mục tiêu, chuẩn KT-KN, nội dung của bài dạy. - Giảng dạy được kiến thức cơ bản - Nội dung dạy học phát triển	- Xác định một nữa mục tiêu, chuẩn KT-KN, nội dung của bài dạy. - Giảng dạy được một phần kiến thức cơ bản - Nội dung	- Không xác định được mục tiêu, chuẩn Kiến thức-kỹ năng, nội dung của bài dạy. - Không giảng dạy được một

		có hệ thống. - Nội dung dạy học đảm bảo giáo dục toàn diện (về nhận thức, kĩ năng, thái độ).	- Nội dung dạy học phát triển được cơ bản (về nhận thức, kĩ năng, thái độ). - Nội dung dạy học phù hợp tâm lí	một phần về nhận thức, kĩ năng, thái độ. - Nội dung dạy học phù hợp tâm lí đa số sinh viên.	dạy học chưa phát triển phối hợp nhận thức, kĩ năng, thái độ. - Nội dung dạy học phù hợp	nữa kiến thức cơ bản - Nội dung dạy học không phát triển nhận thức, kĩ năng, thái độ. - Nội dung dạy
		- Nội dung dạy học hoàn toàn phù hợp tâm lí mọi đối tượng. - Nội dung dạy học cập nhật TỐT những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế, đời sống xung quanh của học sinh	mọi đối tượng. - Nội dung dạy học cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế, đời sống xung quanh của học sinh	- Nội dung dạy học cập nhật một phần vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế, đời sống xung quanh của học sinh	tâm lí số ít sinh viên. - Nội dung dạy học không cập nhật vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế, đời sống xung quanh của học sinh	học không phù hợp tâm lí tất cả sinh viên. - Nội dung dạy học không cập nhật vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế, đời sống xung quanh của học sinh
Kỹ năng sư	***35%***	- Dạy học chuẩn xác đặc trưng	- Dạy học đúng đặc trưng bộ	- Dạy học tương đối phù hợp	- Dạy học đúng đặc trưng bộ	- Dạy học không đúng đặc

phạm		bộ môn, đúng loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập, …) - Vận dụng linh hoạt phương pháp và hình thức theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo của người học. - Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng và theo hướng đổi mới. - Xử lí các tình huống sư phạm rất tốt và xác đối tượng	môn, đúng loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập,) - Phối hợp tốt phương pháp và hình thức theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo của người học. - Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp kiến thức, kĩ năng và theo hướng đổi mới. - Xử lí các tình huống sư phạm phù hợp với đối tượng và có tác dụng giáo dục. . Sử dụng tốt thiết bị, đồ	đặc trưng bộ môn, loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập, …) - Có vận dụng phương pháp và hình thức khi giảng dạy. - Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng. - Xử lí các tình huống sư phạm phù hợp với đối tượng. . Sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, kể cả ĐDDH tự làm.	môn. - Chưa vận dụng phương pháp và hình thức khi giảng dạy. - Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh chưa chuẩn kiến thức, kĩ năng. - Xử lí các tình huống sư phạm còn lúng túng. . Không tận dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, ĐDDH tự làm. . Lời giảng không mạch lạc, chữ viết chưa rõ,.	trưng bộ môn, loại bài. - Vận dụng phương pháp và hình thức khi giảng dạy không phù hợp. - Không kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. - Bỏ qua, xử lí các tình huống sư phạm không phù hợp. . Sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, ĐDDH tự làm không phù hợp,

		và có tác dụng giáo dục. . Sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, kể cả ĐDDH tự làm thiết thực, có hiệu quả. . Lời giảng mạch lạc, truyền cảm, chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lí. . Phân bố thời gian rất phù hợp, đảm bảo tiến trình tiết dạy, đạt mục tiêu của bài dạy và phù hợp với thực tế của lớp học.	dùng dạy học, kể cả ĐDDH tự làm. . Lời giảng mạch lạc, chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lí. . Phân bố thời gian đảm bảo, đạt mục tiêu của bài dạy và phù hợp với thực tế của lớp học.	. Lời giảng mạch lạc, chữ viết đúng, trình bày bảng hợp lí. . Phân bố thời gian đảm bảo tiến trình tiết dạy, đạt mục tiêu của bài dạy và phù hợp với thực tế của lớp học.	. Phân bố thời gian, tiến trình tiết dạy không phù hợp, chưa đạt mục tiêu bài dạy, không phù hợp với thực tế của lớp học.	sai mục đích. . Lời giảng lúng túng, giảng sai, trình bày bảng không khoa học. . Phân bố thời gian, tiến trình không hợp lí, không đạt mục tiêu của bài dạy.
Thái độ sư	***15%***	- Tác phong sư	- Tác phong sư phạm,	- Tác phong sư phạm,	- Tác phong sư	- Tác phong sư

phạm		phạm rất chuẩn mực, gần gũi, ân cần với người học. - Tôn trọng và đối xử rất công bằng với người học - Rất thường xuyên giúp đỡ người học có khó khăn trong học tập, động viên để mỗi người học đều được phát triển năng lực học tập.	chuẩn mực, gần gũi, ân cần với người học. - Tôn trọng và đối xử công bằng với người học. - Thường xuyên giúp đỡ người học có khó khăn trong học tập, động viên để người học đều được phát triển năng lực học tập.	chuẩn mực, - Đối xử công bằng với người học. - Thỉnh thoảng giúp đỡ người học có khó khăn trong học tập, động viên để mỗi người học đều được phát triển năng lực học tập.	phạm chưa gần gũi, ân cần người học. - Chưa tôn trọng và đối xử công bằng với người học. - Thỉnh thoảng giúp đỡ người học	phạm thiếu chuẩn mực. - Coi thường người học. - Chưa giúp đỡ người học.
Hiệu quả	***25%***	- Tiến trình tiết dạy hợp lí, nhẹ nhàng, các hoạt động học tập diễn ra tự nhiên, hiệu quả và phù	- Tiến trình tiết dạy hợp lí, các hoạt động học tập diễn ra hiệu quả và phù hợp với đặc điểm sinh viên.	- Tiến trình tiết dạy hợp lí, hiệu quả. - Người học tiếp thu bài học thụ động, có tình cảm, thái độ	- Tiến trình tiết dạy hợp lí. - Người học thụ động tiếp thu được dưới 50% bài học.	- Tiến trình tiết dạy không hợp lí, hiệu quả. - Người học không tiếp thu bài học.

		hợp với đặc điểm sinh viên - Người học tích cực chủ động tiếp thu bài học, có tình cảm, thái độ đúng. - Người học vận dụng linh hoạt kiến thức vào bài kiểm tra sau tiết học	- Người học chủ động tiếp thu bài học, có tình cảm, thái độ đúng. - Người học vận dụng được kiến thức vào bài kiểm tra sau tiết học.	đúng. - Người học vận dụng một số kiến thức vào bài kiểm tra sau tiết học.	- Người học vận dụng máy móc vào bài kiểm tra sau tiết học	- Người học không vận dụng được kiến thức vào bài kiểm tra sau tiết học

8 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1 Cấu trúc chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Khối kiến thức chung: 23 tín chỉ
- Khối kiến đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 30 tín chỉ gồm:
  + Kiến thức cơ sở chung: 30 tín chỉ
  + Khối kiến thức cơ sở ngành: 13 tín chỉ
  + Thực hành sư phạm: 17
- Khối kiến thức chuyên ngành : 98 tín chỉ gồm:
  + Khối kiến thức cơ sở của ngành: 32 tín chỉ.
  + Khối kiến thức chuyên sâu của ngành: 66 tín chỉ.
- Khóa luận: 5 tín chỉ.

8.2 Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ		
				Lí thuyết	Thực hành	Học phần học trước
A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			**23**			
1	114005	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	30		
2	114006	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	45		
3	114003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
4	114002	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		
5	121002	Tin học đại cương	2	15	30	
6	110087	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	2	30		
7	110093	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	2	30		
8	123082	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	3	30		
9	111005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	9	21	
10	228013	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD-ĐT	2	30		
11		Giáo dục thể chất*	3			
12		Giáo dục quốc phòng	165 t			
B. KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SƯ PHẠM			**30**			
I. Kiến thức cơ sở chung			**13**			

13	122007	Tâm lý học đại cương	2	30		
14	142040	Tâm lý học trẻ em	2	30		
15	122010	Giáo dục học đại cương	2	30		
16	142041	Giáo dục học mầm non	3	32	12	
17	142005	Giao tiếp sư phạm	2	30		
18	142042	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh mầm non	2	15	15	
II. Thực hành sư phạm			**17**			
19	142043	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 1	2	6	24	
20	142044	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 2	2	7	23	
21	142045	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 3	2	6	24	
22	142046	Thực hành dạy học 1	2	8	22	
23	142047	Thực hành dạy học 2	2	5	27	
24	219061	Kiến tập sư phạm-Thực hành sư phạm	2			
25	142007	Thực tập sư phạm	5			
C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			**98**			
I. Khối kiến thức cơ sở ngành			**32**			
26	127005	Sinh lý trẻ em	3	30		
27	126051	Con người và môi trường	2	30		
28	123056	Toán cơ sở	2	30		
29	124052	Tiếng Việt	3	30		
30	124004	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		
31	142048	Văn học trẻ em	3	30		
32	129001	Âm nhạc 1	2	8	22	

33	142049	Âm nhạc 2 (Hát và đàn)	2		30	
34	127053	Mỹ thuật	3		45	
35	142050	Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ mầm non	4	35	25	
36	142051	Dinh dưỡng trẻ em	3	30	15	
37	142052	Thiết kế và làm đồ chơi, đồ dùng dạy học	3	11	34	
II. Khối kiến thức chuyên sâu của ngành			**46**			
a. Bắt buộc			**30**			
38	419015	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	28	17	
39	142053	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	3	16	29	
40	142054	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	3	18	27	
41	179068	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	22	23	
42	142055	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	16	29	
43	142056	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	30	15	
44	142057	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	17	28	
45	127021	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	3	10	35	
46	419018	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi	3	14	31	
47	142058	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3	35	9	
b. Tự chọn			**16**			

Nhóm 1 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**			
48	127038	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học cho trẻ	2	10	20	
49	127028	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	18	12	
Nhóm 2 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**			
50	177053	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý mầm non	2	15	30	
51	142059	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	17	13	
Nhóm 3 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**			
52	142060	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	2	13	17	
53	142061	Cấp cứu ban đầu cho trẻ mầm non	2	11	19	
Nhóm 4 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**			
54	179019	Giáo dục hòa nhập	2	19	11	
55	3105016	Nghề giáo viên mầm non	2	20	10	
Nhóm 5 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**			
56	142062	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non	2	22	8	
57	127034	Quản lí giáo dục Mầm non	2	19	11	
Nhóm 6 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**			
58	127035	Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát cho trẻ mầm non	2	30		
59	127037	Phương pháp biên đạo múa ở trường mầm non	2	10	20	
Nhóm 7 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**			
60	142063	Trò chơi với việc cho trẻ làm	2	14	16	

		quen tác phẩm văn học				
61	127030	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	2	5	26	
Nhóm 8 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**			
62	127032	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	2	16	14	
63	170028	Đệm đàn	2			
D. KHÓA LUẬN (hoặc các học phần thay thế)			**5**			
Các học phần thay thế			**5**			
64	127040	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	3	17	12	
65	142064	Tiếp cận tích hợp trong việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non	2	12	33	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**136**			

8.3 Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			**23**								
1	114005	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2							
2	114006	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3						
3	114003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					
4	114002	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3				
5	121002	Tin học đại cương	2		2						
6	110087	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	2	2							
7	110093	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	2		2						

8	123082	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	3			3					
9	111005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			2					
10	228013	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD-ĐT	2				2				
11		Giáo dục thể chất*	3	x	x	x					
12		Giáo dục quốc phòng	165 t								
B. KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SƯ PHẠM			**30**								
I. Kiến thức cơ sở chung			**13**								
13	122007	Tâm lý học đại cương	2	2							
14	142040	Tâm lý học trẻ em	2		2						
15	122010	Giáo dục học đại cương	2		2						
16	142041	Giáo dục học mầm non	3			3					
17	142005	Giao tiếp sư phạm	2				2				
18	142042	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh mầm non	2				2				
II. Thực hành sư phạm			**17**								
19	142043	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 1	2			2					
20	142044	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 2	2				2				
21	142045	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 3	2					2			
22	142046	Thực hành dạy học 1	2						2		
23	142047	Thực hành dạy học 2	2							2	
24	219061	Kiến tập sư phạm-Thực hành sư phạm	2				2				
25	142007	Thực tập sư phạm	5								5

C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			**98**								
I. Khối kiến thức cơ sở ngành			**32**								
26	127005	Sinh lý trẻ em	3	3							
27	126051	Con người và môi trường	2	2							
28	123056	Toán cơ sở	2	2							
29	124052	Tiếng Việt	3	3							
30	124004	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2							
31	142048	Văn học trẻ em	3			3					
32	129001	Âm nhạc 1	2			2					
33	142049	Âm nhạc 2 (Hát và đàn)	2				2				
34	127053	Mỹ thuật	3		3						
35	142050	Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ mầm non	4				4				
36	142051	Dinh dưỡng trẻ em	3		3						
37	142052	Thiết kế và làm đồ chơi, đồ dùng dạy học	3							3	
II. Khối kiến thức chuyên sâu của ngành			**46**								
a. Bắt buộc			**30**								
38	419015	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3						3		
39	142053	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	3					3			
40	142054	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	3						3		
41	179068	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3						3		
42	142055	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3						3		

43	142056	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3					3			
44	142057	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3					3			
45	127021	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	3			3					
46	419018	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi	3							3	
47	142058	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3					3			
b. Tự chọn			**16**								
Nhóm 1 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**				2				
48	127038	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học cho trẻ	2				x				
49	127028	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2				x				
Nhóm 2 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**						2		
50	177053	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý mầm non	2						x		
51	142059	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2						x		
Nhóm 3 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**						2		
52	142060	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	2						x		
53	142061	Cấp cứu ban đầu cho trẻ mầm non	2						x		
Nhóm 4 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**							2	
54	179019	Giáo dục hòa nhập	2							x	

55	3105016	Nghề giáo viên mầm non	2							x	
Nhóm 5 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**							2	
56	142062	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non	2							x	
57	127034	Quản lí giáo dục Mầm non	2							x	
Nhóm 6 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**							2	
58	127035	Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát cho trẻ mầm non	2							x	
59	127037	Phương pháp biên đạo múa ở trường mầm non	2							x	
Nhóm 7 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**							2	
60	142063	Trò chơi với việc cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	2							x	
61	127030	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	2							x	
Nhóm 8 (chọn 1/2 học phần)			**2/4**								2
62	127032	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	2								x
63	170028	Đệm đàn	2								x
D. KHÓA LUẬN (hoặc các học phần thay thế)			**5**								5
Các học phần thay thế			5								
64	127040	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	3								x
65	142064	Tiếp cận tích hợp trong việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non	2								x
TỔNG SỐ TOÀN KHÓA			**136**	**18**	**17**	**20**	**19**	**16**	**18**	**16**	**12**

8.4 Mô tả các học phần

A.KHỐI KIẾN THỨC CHUNG

1.Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1: 5TC

Mã học phần: 114005

Ngoài 1 chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung, môn học bao gồm 3 phần với 9 chương;

Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin;

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;

Phần thứ ba có 3 chương, trong đó 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát.

2.Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2: 2 TC

Mã học phần: 114006

3.**Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2TC**

Mã học phần: 114003

"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của quá trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta; đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người". Môn học nghiên cứu cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và làm rõ ý nghĩa của việc nghiên cứu đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

4.Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam: 3TC

Mã học phần: 114002

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam.

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)

Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975)

Chương IV: Đường lối công nghiệp hóa

Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa

Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

Chương VII: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.

Chương VIII: Đường lối đối ngoại

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kì đổi mới.

5 Tin học đại cương: 2TC

Mã học phần: 121002

Cung cấp cho sinh viên một số hiểu biết khái quát về Tin học và máy tính điện tử, làm nền tảng cơ sở cho sinh viên học tiếp các môn Tin học khác. Về kỹ năng sinh viên sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong những công việc như : soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, thiết kế trình diễn, khai thác Internet phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của mình.

6.Ngoại ngữ không chuyên Tiếng Anh 1: 2TC

Mã học phần: 110087

- Nội dung môn học gồm 4 phần:
- Phần 1: Luyện nghe nói :theo chủ đề của từng bài
- Phần 2: Các dạng bài đọc hiểu: đọc trả lời câu hỏi; True-False
- Phần 3: Học các cách viết tùy theo từng bài:
- - cách dùng dấu câu, lỗi chính tả;
- - viết thư cá nhân (personal email)
- -cách dung các từ nối (linking words)
- Phần 4: Học từ vựng: về giao tiếp; du lịch; tiền bạc và xã hội.

7.Ngoại ngữ không chuyên Tiếng Anh 2: 2TC

Nội dung môn học gồm 4 phần:

Phần 1: Luyện nghe nói: theo chủ đề của từng bài

Phần 2: Các dạng bài đọc hiểu: đọc trả lời câu hỏi; True-False

Phần 3: Học các cách viết tùy theo từng bài:

- đơn xin việc

-viết blog về một thành tựu hay viết đánh giá cảm nhận về một cuốn sách hoặc một bộ phim.

-cách dùng các từ nối (ordering ideas and giving examples; although, however;)

Phần 4: Học từ vựng: nghề nghiệp, vấn đề trong cuộc sống; sức khỏe và sở thích

(nghệ thuật, âm nhạc)

8.Ngoại ngữ không chuyên Tiếng Anh 3: 3TC

Nội dung môn học gồm 4 phần:

Phần 1: **Luyện nghe nói :**theo chủ đề của từng bài

Phần 2: **Các dạng bài đọc hiểu:** đọc trả lời câu hỏi; True-False

Phần 3: **Học các cách viết tùy theo từng bài:**

- viết sơ yếu lý lịch cá nhân (personal profile)
-viết lá thư xin lỗi (apology email)
-viết một web post đưa ra quan điểm cá nhân
-học các từ nối về thời gian

Phần 4: **Học từ vựng:** các thành tựu, kết quả sự kiện, tính từ miêu tả tính cách.

9.Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2TC

Nội dung môn học đề cập tới các bước tiến hành nghiên cứu đề tài về Khoa học giáo dục và giúp người học có khả năng nghiên cứu khoa học một cách độc lập.

+ Kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các bước tiến hành nghiên cứu đề tài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục.

+ Kỹ năng: Sinh viên có khả năng nghiên cứu khoa học một cách độc lập.

+ Thái độ:Yêu thích nghiên cứu khoa học

10.Quản lý HCNN và quản lý ngành Giáo dục-Đào tạo: 2TC

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục.

Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.

11.Giáo dục thể chất

12.Giáo dục quốc phòng

B. KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SƯ PHẠM

I. Kiến thức cơ sở chung

13.Tâm lý học đại cương: 2 TC Mã học phần: 122007

Học phần "Tâm lí học 1" có 7 chương, giúp sinh viên nắm được các vấn đề sau: Những vấn đề chung về tâm lí học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lí người; sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức ; hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

14.Tâm lý học trẻ em: 2TC. Mã học phần: 142040

Học phần làm rõ những vấn đề về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lí học trẻ em những quy luật phát triển tâm lí của trẻ em và đặc điểm phát triển tâm lí và nhân cách của trẻ từ 0 – 6 tuổi.

15.Giáo dục học đại cương: 2TC

Mã học phần: 122010

Học phần GDH đại cương bao gồm hai khối kiến thức chủ yếu về những vấn đề chung của Giáo dục học nhằm cung cấp cho sinh viên sư phạm hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục, Giáo dục học, làm cơ sở khoa học chung cho việc nghiên cứu Giáo dục học.

16. Giáo dục học Mầm non: 3TC

Học phần Giáo dục học mầm non trang bị cho sinh viên tri thức chuyên sâu về mục tiêu giáo dục bậc mầm non của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, các nguyên tắc, phương pháp giáo dục trẻ tuổi mầm non, công tác chăm sóc, sự cần thiết phải chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, một số đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em mầm non, các nhiệm vụ giáo dục trẻ mầm non, bao gồm các mặt: giáo dục thể chất, giáo dục trí tuệ, giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mĩ và giáo dục lao động.

Học phần mô tả các hình thức tổ chức và đời sống cho trẻ mầm non, bao gồm việc tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ, tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em từ 1 - 3 tuổi, tổ chức cuộc sống hàng ngày cho trẻ từ 3-6 tuổi, quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo, ngoài ra còn nghiên cứu quá trình, nguyên tắc, nội dung và phương pháp dạy học ở trường mẫu giáo, ngoài ra học phần còn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, vai trò của giáo dục gia đình và người giáo viên với công tác quản lý nhóm lớp ở trường mầm non.

17. Giao tiếp sư phạm 2TC

Học phần làm rõ những vấn đò về giao tiếp nói chung vả giao tiếp sư phạm màm non nói riềng, đặc điểm giao tiép của tre từ 0 - 6 tuổi và những kĩ năng giao tiếp cùa giảo viên mầm non phù hợp với những đặc điểm dỏ.

18.Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh Mầm non: 2TC

"Đánh giá trong giáo dục mầm non" là một khoa học nghiên cứu quá trình phát triển của giáo dục mầm non. Hoạt động đánh giá là một khâu quan trọng của quản lý giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng. Đánh giá là công cụ của các nhà quản lý, đồng thời cũng là công cụ hành nghề quan trọng của người giáo viên mầm non vì qua đánh giá chúng ta sẽ định hướng được sự phát triển của ngành học thông qua sự lựa chọn, sàng lọc, cải tiên , dự báo cho hoạt động giáo dục mầm non

- Học tập bộ môn, sinh viên sẽ nắm được cách đánh giá chất lượng của các cơ sở giáo dục mầm non, đánh việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non và sự phát triển của trẻ thông qua việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Bộ môn giúp sinh viên biết cách sử dụng các phương pháp, cách xử lý thông tin, số liệu để thực hiện việc đánh giá trong giáo dục mầm non từ đó giúp sinh viên biết thiết lập môi trường giáo dục phù hợp cho sự phát triển toàn diện của trẻ, đây được xem là một năng lực cần thiết của người giáo viên mầm non tương lai.

II. Thực hành sư phạm.

19. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 1

Phần 1: Dinh dưỡng trẻ em

Là một học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, giới thiệu những kiến thức cơ bản, hiện đại, thiết thực. Vấn đề về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Từ đó, cung cấp cho người học quy trình, các kĩ năng và phương pháp cơ bản về các nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn, chế biến và tổ chức bữa ăn cho trẻ ở trường Mầm non.

Phần 2: Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học

Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học là một học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, giới thiệu những kiến thức cơ bản, hiện đại, thiết thực về đọc,kể diễn cảm. Từ đó, cung cấp cho người học quy trình, các kĩ năng và phương pháp cơ bản để luyện đọc diễn cảm và hướng dẫn, tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học. Học phần này đồng thời hướng sinh viên đến thực tiễn dạy học ở trường Mầm non bằng các hình thức quan sát, dự giờ và tập giảng nhằm rèn luyện một cách tích cực kĩ năng đọc, kể diễn cảm.

20. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 2: 2 TC

Để thực hiện được chức năng định hướng và tổ chức cho trẻ hoạt động trong giáo dục mầm non thì giáo viên mầm non phải nắm vững được chương trình và cách tổ chức thực hiện chương trình GDMN, muốn vậy sinh viên phải tìm hiểu học phần này vì học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về kết cấu chương trình và kỹ năng lập kế hoạch giáo dục, nắm được quan điểm tiếp cận và hình thức thiết kế chương trình giáo dục; tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non… Qua đó nâng cao các kỹ năng sư phạm và ý thức nghề nghiệp trong sinh viên.

- Luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm.trong GDMN

21. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 3: 2 TC

- Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành kĩ năng vỗ tay theo tiết tấu và múa minh họa một số bài hát cơ bản theo độ tuổi.
- Tìm kiếm tài liệu nhằm tổng hợp một số bài hát múa cho trẻ qua các độ tuổi theo chủ đề và thực hành xây dựng chương trình văn nghệ.
- Tổ chức các hoạt động cho SV thực hành tổ chức HĐ vui chơi và tổ chức hoạt động xã hội cho trẻ MN.

22. Thực hành dạy học 1: 2TC

Học phần cung cấp các kiến thức về xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực phát triển thể chất cho trẻ MN.

23. Thực hành dạy học 2

- - Phân tích và liên hệ thực tế việc lựa chọn, phối hợp các phương pháp, hình thức trong việc tổ chức giờ hoạt động tạo hình.
- Tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường MN :

+ Hoạt động vẽ và tô màu

+ Hoạt động nặn

+ Hoạt động xé và cắt dán

+ Hoạt động chắp ghép.

- Cung cấp cho sinh viên một số vấn đề về hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non và tổ chức hoạt động giáo dục ở trường MN theo hướng tích hợp.
- Củng cố lại một số kiến thức về tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và vận dụng vào tổ chức một số hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học

24.Kiến tập sư phạm-Thực hành sư phạm

25. Thực tập sư phạm

C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

I. Khối kiến thức cơ sở của ngành

26. Sinh lý trẻ em

Các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của cơ thể trẻ em.

- Cấu tạo, đặc điểm sinh lý lứa tuổi và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan:
  + Hệ thần kinh và hoạt động thần kinh cao cấp
  + Hoạt động của các cơ quan phân tích
  + Hệ vận động
  + Hệ hô hấp
  + Hệ tuần hoàn
  + Hệ bài tiết
  + Hệ tiêu hoá và trao đổi chất của trẻ em
  + Hệ nội tiết

27. Con người và môi trường:

Giới thiệu về khoa học môi trường.

- Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường.
- Dân số học và sự phát triển dân số.
- Vai trò và thực trạng tài nguyên thiên nhiên và vấn đề sử dụng chúng.
- Phương hướng và chương trình hành động về bảo vệ môi trường.

28.Toán cơ sở

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Cơ sở lý thuyết tập hợp: tập hợp và các phép toán trên tập hợp; quan hệ; ánh xạ.
- Xây dựng tập hợp số tự nhiên từ bản số tập hợp, giới thiệu hệ thống ghi số.

29. Tiếng Việt

Nội dung của học phần này được phân bố thành bốn chương, theo hướng quy nạp. Cụ thể là nhắc lại và rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ từ đơn vị từ ngữ, câu, đoạn và văn bản; từ yêu cầu tối thiểu đến yêu cầu nâng cao.

Nững nội dung chính bao gồm:

- Rèn luyện kỹ năng dùng từ, chữa lỗi từ
- Rèn luyện kỹ năng đặt câu và sửa lỗi câu
- Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn

- Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản
- Rèn luyện về chữ viết chính tả

30.Cơ sở văn hóa Việt Nam

Ngoài phần khái luận chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, học phần bao gồm tri thức về 4 thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

31.Văn học trẻ em

Học phần văn học ghi vào đọc cái gì nó cũng hai phần

- Phần văn học thiếu nhi:

+ Văn học thiếu nhi Việt Nam: phần khái quát các nội dung quá trình hình thành, những thành tựu cơ bản. Phần thơ truyện dành cho thiếu nhi bao gồm đặc điểm về nội dung và đặc điểm về nghệ thuật. Đối với phần giới thiệu tác giả, tác phẩm tiêu biểu gồm tiểu sử tác giả, mang theo chuyện dành cho thiếu nhi. Phần thơ thiếu nhi gồm phong trào sáng tác thơ của thiếu nhi, về nội dung và nghệ thuật. Với tác giả Trần Đăng Khoa : gồm tiểu sử và tập thơ " Góc sân và khoảng trời".

+ Phần văn học nước ngoài dành cho thiếu nhi: gồm những nét khái quát về văn học dịch, giới thiệu những nét cơ bản cho các tác giả Grim, An đec xen, Hec to Malo với nội dung và nghệ thuật của truyện cổ Grim, chuyện cổ An đec xen, Không gia đình.

+ Phần thực hành đọc kể diễn cảm: gồm các tác phẩm thơ và chuyện cần đọc và kể.

32. Âm nhạc 1

Giới thiệu những kiến thức sơ giản về nhạc lý phổ thông: Âm thanh – Âm nhạc, Độ cao âm thanh, Độ dài âm thanh.

- Tìm hiểu ký hiệu, ký hiệu điều chỉnh và các phương pháp ghi chép nhạc về: Cao độ, Trường độ...
- Tìm hiểu phương pháp và cách thức thể hiện các yếu tố trong âm nhạc: Loại nhịp, Cung, Quãng, Dấu hóa, Hóa biểu, Điệu thức...
- Làm quen với một số nguyên tắc cơ bản trong âm nhạc về hòa âm: Quãng, Hợp âm, biến thể của các loại điệu thức, Dịch giọng...
- Rèn luyện đọc nhạc có sắc thái biểu hiện các bản nhạc và đọc ứng dụng vào các bài hát trong chương trình âm nhạc ở trường mầm non

33. Âm nhạc 2

Cung cấp cho người học những kiến thức về kỹ thuật cơ bản trong giai đoạn đầu học hát bằng các bài tập luyện thanh với các mẫu âm phát triển âm khu tự nhiên, cách lấy

hơi, nén hơi và điều tiết hơi thở; đồng thời học hát những bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non.

Giới thiệu về đàn phím điện tử (Sơ lược về cấu trúc, nhận biết các nốt trên phím đàn, chức năng và cách sử dụng, bảo quản đàn và tư thế tập); Rèn luyện kỹ thuật đàn phím bằng những bài tập luyện ngón; Rèn luyện kỹ thuật đệm hát với tiết điệu tự động các bài hát lứa tuổi mầm non

34. Mỹ thuật

Thông qua môn học cung cấp cho SV một lượng kiến thức cơ bản, giúp SV nắm được nguồn điêu khắc. Các kiến thức cơ bản về trang trí, về xây dựng bố cục tranh, về xếp dán giấy. Đồng thời bồi dưỡng thị thiếu thẩm mĩ, nâng cao lí luận thẩm mĩ cho sinh viên, giúp họ có được những kiến thức cơ bản để tự nghiên cứu và biết cách thưởng thức các chuyên ngành mỹ thuật (hội họa, điêu khắc, đồ họa).

35.Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ Mầm non

Phần lý luận về phương pháp vệ sinh chăm sóc trẻ

Hướng dẫn nội dung về phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ tại trường mầm non

Biết được một số bệnh thường gặp ở trẻ mầm non

Biết được thuốc và cách sử dụng thuốc

36.Dinh dưỡng trẻ em

Dinh dưỡng học đại cương, các vấn đề về lương thực, thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Các nguyên tắc dinh dưỡng đối với trẻ. Điều tra, đáng giá khẩu phần ăn của trẻ ở trường mầm non
- Phương pháp xây dựng khẩu phần, thực đơn, chế biến và tổ chức bữa ăn cho trẻ.
- Một số bệnh thường gặp trẻ do dinh dưỡng không hợp lí, cách phòng và trị bệnh.

37. Thiết kế và làm đồ dùng, đồ chơi dạy học

Học phần cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc và một số kỹ thuật thiết kế, bảo quản và sử dụng đồ chơi, đồ dùng dạy học trong các hoạt động của trẻ mầm non và hướng dẫn sinh viên sử dụng các nguyên vật liệu có sẵn để thiết kế đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ cho các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.

II.Khối kiến thức chuyên sâu của ngành

a.Bắt buộc:

38. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

Môn học này gồm 2 phần chính:

- Phần lý luận về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ ở tường mầm non (chương 1, 2, 3, 4) đề cập những vấn đề chung như mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc, nội dung và hình thức, các phương pháp và phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.
- Phần thực hành, hướng dẫn thực hiện các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mầm non như bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung, bài tập vận động cơ bản và hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non qua các độ tuổi như tiết học thể dục, thể dục sáng, trò chơi vận động... (chương 5, 6).

39. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán

Nội dung học phần "phương pháp cho trẻ MN LQVT" được chia làm 5 chương.

Chương 1 trình bày vai trò, nhiệm vụ của bộ môn và của việc phương pháp cho trẻ MN LQVT.

Chương 2 nêu những đặc thù của việc phương pháp cho trẻ MN LQVT

Chương 3 nêu lên các nguyên tắc phương pháp cho trẻ MN LQVT

Chương 4 trình bày các phương pháp và hình thức dạy trẻ tiếp cận với những kiến thức toán học sơ đẳng.

Chương 5 trình bày phương pháp phương pháp cho trẻ MN LQVT

40.Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ Mn

Môn học trang bị một số kiến thức và kỹ năng chuyên biệt để sinh viên có thể tổ chức một cách hiệu quả hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non. Sau khi học, sinh viên hiểu được ý nghĩa và các đặc điểm của quá trình khám phá môi trường xung quanh của trẻ mầm non, biết cách tổ chức các điều kiện cần thiết và hướng dẫn hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ.

41.Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN

Giới thiệu vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển xã hội, trong sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ em; các phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ; các phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ; dạy trẻ nói đúng ngữ pháp; dạy trẻ phát âm đúng và giáo dục văn hóa giao tiếp cho trẻ; chuẩn bị cho trẻ học tập ở trường phổ thông; thực hành.

42.Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non

- Những vấn đề chung của hoạt động tạo hình trong trường MN: khái niệm, mục đích, nhiệm

vụ, cơ sở lí luận và thực tiễn, nội dung, phương pháp.

- Tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường MN :

+ Hoạt động vẽ và tô màu

+ Hoạt động nặn

+ Hoạt động xé và cắt dán

+ Hoạt động chắp ghép, in – rập – thổi màu

+ Hoạt động cho trẻ tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình

- Phương pháp tổ chức các hình thức giáo dục tạo hình cho trẻ trong trường mầm non

+ Hình thức giờ học trên lớp

+ Các hình thức khác

+ Lập kế hoạch cho hoạt động tạo hình

+ Đánh giá hoạt động tạo hình.

43.Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non 3TC

Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non là một học phần bắt buộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này tập trung vào một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non, các phương pháp dạy, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc, cách thức soạn giáo án và lên lớp, nhằm có định hướng sát hợp cho người học trong công tác giảng dạy sau này .

44.Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học: 3TC

Giới thiệu đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mẫu giáo; các nguyên tắc, các phương pháp, các hình thức cho trẻ làm quen với văn học; các dạng thức tiết học, các loại tiết học cụ thể, cách thức thực hiện; thực hành.

45. Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ MN 3TC

Nội dung học phần gồm 3 phần: Phần 1 trình bày một số vấn đề lý luận về nghệ thuật múa, vai trò của múa trong công tác giáo dục trẻ mầm non. Phần 2 trình bày một số động tác múa dân gian Việt Nam. Phần 3 trình bày khái quát về phương pháp dạy trẻ múa ở trườmg Mâm non.

47. Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN: 3TC

"Chương trình và Phát triển - tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non" là một học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cử nhân. Có thời lượng là 3 tín chỉ.

Để thực hiện được chức năng định hướng và tổ chức cho trẻ hoạt động trong giáo dục

mầm non thì giáo viên mầm non phải nắm vững được chương trình và cách tổ chức thực hiện chương trình GDMN, muốn vậy sinh viên phải tìm hiểu học phần này vì học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về kết cấu chương trình và kỹ năng lập kế hoạch giáo dục, nắm được quan điểm tiếp cận và hình thức thiết kế chương trình giáo dục; tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non… Qua đó nâng cao các kỹ năng sư phạm và ý thức nghề nghiệp trong sinh viên..

48.Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học cho trẻ

Học phần giới thiệu về ý nghĩa, tác dụng và những đặc trưng của trò chơi học tập nói chung và trò chơi nhằm hình thành biểu tượng Toán học cho trẻ nói riêng; các phương pháp và hình thức tổ chức trò chơi nhằm giúp trẻ bước đầu làm quen với những kiến thức Toán học sơ đẳng ở trường Mầm non.

49.Trò chơi dân gian với việc cho trẻ LQ MTXQ 3 tc

Môn học này gồm 2 phần chính:

Phần lý luận về phương pháp tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh (chương 1, 2, 3, 4) đề cập những vấn đề chung như mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ, các nguyên tắc; nội dung và hình thức, các phương pháp và phương tiện tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với MTXQ.

Phần hướng dẫn thực hiện tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non.

50.Ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý mầm non

+Học phần này giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Đại cương về tin học, cấu trúc máy tính, phần mềm soạn thảo văn bản MS. Word và lập bảng tính MS. Excel, phần mềm IBM Kidsmart dành cho giáo viên mầm non.

+Phương pháp nghiên cứu: Học lý thuyết, làm bài tập đầy đủ. Nghiên cứu, tham khảo tình hình triển khai phần mềm IBM Kidsmart vào giảng dạy ở địa phương.

+Thành tựu và triển vọng môn học: Học xong học phần sinh viên hiểu rõ các thành phần cơ bản của hệ thống xử lý thông tin tự động, sử dụng phần mềm MS. Word, MS. Excel và làm quen với phần mềm IBM Kidsmart, tạo tiền đề cho công việc giảng dạy ở các trường mầm non.

51. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

- Một số vấn đề chung về giáo dục môi trường
- Cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ Mầm non

- Quá trình giáo dục môi trường cho trẻ Mầm

52. Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non

Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non là học phần chuyên sâu của Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Học phần này tập trung nghiên cứu đặc điểm phát triển tính tích cực vận động của trẻ mầm non, quá trình phát triển tính tính tích cực vận động của trẻ mầm non và cách đánh giá chất lượng phát triển tính tích cực vận động của trẻ mầm non.

53. Cấp cứu ban đầu cho trẻ mầm non

Chương 1: Thuốc và cách sử dụng thuốc

Chương 2: Cách phòng tránh và xử lý ban đầu một số tai nạn hay gặp ở trẻ mầm non

54. Giáo dục hòa nhập

Học phần làm rõ những vấn đề chung về can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non và quá trình tổ chức can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ lứa tuổi mầm non.

55. Nghề giáo viên mầm non

Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về nghề giáo viên mầm non hoạt động sư phạm và nhân cách nghề của giáo viên mầm non.

56.Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non

Học phần này cung cấp về cơ sở lý luận giáo dục theo hướng tích hợp ở bậc học mầm non. Từ đó, trang bị cho sinh viên kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp theo chủ đề.

57. Quản lí giáo dục Mầm non

Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục nói chung, giáo dục MN nói riêng. Nắm được tổ chức bộ máy trường MN và công tác quản lý các nội dung hoạt động ở trưởng MN của người quản lý để theo dõi và thực hiện.

58.Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát cho trẻ mầm non

Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát cho trẻ là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giới thiệu những kiến thức cơ bản về thể loại, hình thức âm nhạc. Học phần này sẽ cung cấp những tri thức cơ bản nhất về cách lựa chọn các thể loại, hình thức và phương pháp thể hiện bài hát của cho trẻ; cách thể hiện xử lý sắc thái của trẻ đối với bài hát; cách bảo vệ giọng hát.

59. Phương pháp biên đạo múa ở trường mầm non

Nội dung học phần gồm 3 chương:

- Chương 1 trình bày về nghệ thuật biên đạo múa.

- Chương 2 trình bày mối quan hệ giữa nghệ thuật biên đạo múa với sự phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non và nguyên tắc, nội dung, yêu cầu, phương pháp, quy trình biên đạo múa ở trường mầm non.
- Chương 3 là phần thực hành biên đạo múa ở trường mầm non.

60. Trò chơi với việc cho trẻ làm quen tác phẩm văn học

Giới thiệu đặc điểm trò chơi nói chung và trò chơi đóng kịch nói riêng; các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức trò chơi trong hoạt động làm quen với TPVH và cách tổ chức thực hiện.

61. Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học

Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học là một học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, giới thiệu những kiến thức cơ bản, hiện đại, thiết thực về đọc, kể diễn cảm. Từ đó, cung cấp cho người học quy trình, các kĩ năng và phương pháp cơ bản để luyện đọc, kể diễn cảm và hướng dẫn, tổ chức cho trẻ học thuộc lòng tác phẩm văn học. Học phần này đồng thời hướng sinh viên đến thực tiễn dạy học ở trường Mầm non bằng các hình thức quan sát, dự giờ và tập giảng nhằm rèn luyện một cách tích cực kĩ năng đọc, kể diễn cảm.

62. Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non

Học phần "Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em" đi vào nghiên cứu khái niệm về hành vi, hành vi văn hóa, nghiên cứu bản chất của hành vi văn hóa, sự hình thành hành vi văn hóa trong lịch sử loài người và ở mỗi cá thể, nội dung, các nguyên tắc và phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi.

63. Đệm đàn

Giới thiệu kỹ thuật đệm đàn phím bằng tiết điệu tự động; đệm đàn piano (Mode normal) trên các vòng hòa thanh và tiết tấu thông dụng.

D. KHÓA LUẬN

64. Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1

Học phần này cung cấp cơ sở lý luận khoa học về các quan điểm của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp một trong tình hình hiện nay. Giúp người học nắm được đặc điểm học tập, sinh hoạt của trẻ em lứa tuổi tiểu học để việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 thông qua các hoạt động giáo dục ở trường mầm non đạt kết quả tốt hơn, phù hợp hơn với sự phát triển của trẻ. Sinh viên nắm vững được các nội dung chuẩn bị cho trẻ vào lớp một như chuẩn bị về mặt thể lực cho trẻ, phát triển ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ cho trẻ, trang bị cho trẻ những hiểu biết nhất định về thế giới xung quanh, rèn luyện cho trẻ biết sử dụng các thao tác trí tuệ và hình thành ở trẻ tinh thần thích hoạt động trí óc, hình thành cho trẻ khả năng định hướng trong không

gian và thời gian, rèn luyện cho trẻ khả năng điều khiển sự tập trung chú ý và sụ nỗ lực ý chí trong việc giải quyết những nhiệm vụ trí óc căng thẳng, giúp trẻ làm quen với hoạt động nghệ thuật…Từ các nội dung đó sinh viên biết được các hình thức, biện pháp để chuẩn bị cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo vào trường phổ thông.

65.Tiếp cận tích hợp trong việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non

Học phần được cấu trúc thành hai phần:

- **Lí thuyết:** 20 tiết, gồm 4 chương; đề cập về quan điểm chung cũng như cơ sở của việc tiếp cận tích hợp trong phát triển ngôn ngữ trẻ mầm non, phương pháp và cách thiết kế các hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.
- **Thực hành:** Chiếm thời lượng 10 tiết với các nội dung chính là luyện tập thiết kế bài dạy, dạy mẫu và tập giảng.

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO **TRƯỞNG KHOA**

Lê Kính Thắng Bùi Nguyễn Trâm Ngọc

HIỆU TRƯỞNG